

Tổng hợp kiến thức về Đại từ chỉ định: This, That, These, Those

Chào các em học sinh lớp 6! Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một chủ điểm ngữ pháp rất quan trọng và thường gặp trong tiếng Anh, đó là các đại từ chỉ định (Demonstrative Pronouns): **This, That, These, Those**. Chúng giúp chúng ta xác định người hoặc vật cụ thể trong một ngữ cảnh. Hãy cùng bắt đầu nhé!

1. Đại từ chỉ định là gì?

Đại từ chỉ định là những từ dùng để chỉ ra một người, một vật hoặc một sự việc cụ thể dựa trên khoảng cách của nó so với người nói (gần hay xa).

Trong tiếng Anh, có 4 đại từ chỉ định chính:

- **This** (Đây, này, cái này)
- **That** (Đó, kia, cái kia)
- **These** (Những cái này)
- **Those** (Những cái kia)

Để sử dụng đúng, chúng ta cần xác định hai yếu tố: **Số lượng** (số ít hay số nhiều) và **Vị trí** (gần hay xa người nói).

2. Cách dùng "This"

a. Chức năng

This được dùng để chỉ một người hoặc một vật ở **số ít** và ở **gần** người nói.

b. Cấu trúc

- **Câu khẳng định:**

This + is + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được.

- **Câu phủ định:**

This + is not (isn't) + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được.

- **Câu nghi vấn (Yes/No Question):**

Is + this + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được?

Trả lời: **Yes, it is. / No, it isn't.**

c. Ví dụ minh họa

- **This is** a new pen. (Đây là một chiếc bút mới.) - *Người nói đang cầm hoặc ở rất gần chiếc bút.*
- **This isn't** my book. It's yours. (Đây không phải sách của tôi. Nó là của bạn.)
- **Is this** your pencil case? - Yes, it is. (Đây có phải hộp bút của bạn không? - Vâng, đúng vậy.)

3. Cách dùng "That"

a. Chức năng

That được dùng để chỉ một người hoặc một vật ở **số ít** và ở **xa** người nói.

b. Cấu trúc

- **Câu khẳng định:**

That + is + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được.

- **Câu phủ định:**

That + is not (isn't) + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được.

- **Câu nghi vấn (Yes/No Question):**

Is + that + (a/an) + danh từ đếm được số ít / danh từ không đếm được?

Trả lời: **Yes, it is. / No, it isn't.**

c. Ví dụ minh họa

- **That is** a beautiful house over there. (Kia là một ngôi nhà đẹp ở đằng kia.) - *Ngôi nhà ở xa vị trí người nói.*
- **That isn't** our teacher. (Kia không phải là giáo viên của chúng ta.)
- **Is that** your school? - No, it isn't. (Kia có phải trường của bạn không? - Không, không phải.)

4. Cách dùng "These"

a. Chức năng

These được dùng để chỉ nhiều người hoặc nhiều vật (từ 2 trở lên) ở **số nhiều** và ở **gần** người nói.

b. Cấu trúc

- **Câu khẳng định:**

These + are + danh từ số nhiều.

- **Câu phủ định:**

These + are not (aren't) + danh từ số nhiều.

- **Câu nghi vấn (Yes/No Question):**

Are + these + danh từ số nhiều?

Trả lời: **Yes, they are. / No, they aren't.**

c. Ví dụ minh họa

- **These are** my new shoes. (Đây là những đôi giày mới của tôi.) - *Người nói đang cầm hoặc để giày ở ngay gần.*
- **These aren't** his notebooks. (Đây không phải là những quyển vở của anh ấy.)
- **Are these** your friends? - Yes, they are. (Đây có phải là bạn của bạn không? - Vâng, đúng vậy.)

5. Cách dùng "Those"

a. Chức năng

Those được dùng để chỉ nhiều người hoặc nhiều vật (từ 2 trở lên) ở **số nhiều** và ở **xa** người nói.

b. Cấu trúc

- **Câu khẳng định:**

Those + are + danh từ số nhiều.

- **Câu phủ định:**

Those + are not (aren't) + danh từ số nhiều.

- **Câu nghi vấn (Yes/No Question):**

Are + those + danh từ số nhiều?

Trả lời: **Yes, they are. / No, they aren't.**

c. Ví dụ minh họa

- **Those are** beautiful flowers in the garden. (Kia là những bông hoa đẹp ở trong vườn.) - *Những bông hoa ở xa người nói.*
- **Those aren't** our bags. (Kia không phải là những chiếc cặp của chúng tôi.)
- **Are those** birds on the tree? - Yes, they are. (Kia có phải là những con chim trên cây không? - Vâng, đúng vậy.)

6. Bảng tổng hợp và so sánh

Để dễ dàng ghi nhớ, các em hãy xem bảng so sánh dưới đây:

	Ở gần người nói	Ở xa người nói
Số ít (Singular)	This (Đây, này)	That (Đó, kia)
Số nhiều (Plural)	These (Những cái này)	Those (Những cái kia)

7. Chức năng khác của đại từ chỉ định

Ngoài việc đứng một mình làm chủ ngữ, This, That, These, Those còn có thể đứng trước danh từ để bổ nghĩa cho danh từ đó. Khi đó, chúng được gọi là **tính từ chỉ định (Demonstrative Adjectives)**.

- **Ví dụ 1:** **This house** is big. (Ngôi nhà này thì to.) -> "This" đứng trước danh từ "house".
- **Ví dụ 2:** I like **that car**. (Tôi thích chiếc xe hơi kia.) -> "That" đứng trước danh từ "car".
- **Ví dụ 3:** **These books** are interesting. (Những quyển sách này thì thú vị.) -> "These" đứng trước danh từ "books".
- **Ví dụ 4:** Can you see **those children**? (Bạn có nhìn thấy những đứa trẻ kia không?) -> "Those" đứng trước danh từ "children".

8. Cách dùng trong câu hỏi "What"

Chúng ta thường dùng This, That, These, Those trong câu hỏi với "What" để hỏi về vật.

a. Với danh từ số ít

Cấu trúc: What + is + this/that?

Trả lời: **It's + (a/an) + danh từ số ít.**

- **Ví dụ 1:** What is **this**? - It's a compass. (Đây là cái gì? - Nó là một cái la bàn.)
- **Ví dụ 2:** What is **that**? - It's a whiteboard. (Kia là cái gì? - Nó là một cái bảng trắng.)

b. Với danh từ số nhiều

Cấu trúc: What + are + these/those?

Trả lời: **They're + danh từ số nhiều.**

- **Ví dụ 1:** What are **these**? - They're my pencils. (Đây là những cái gì? - Chúng là những cây bút chì của tôi.)
- **Ví dụ 2:** What are **those**? - They're posters. (Kia là những cái gì? - Chúng là những tấm áp phích.)

Hy vọng qua bài tổng hợp này, các em đã nắm vững cách sử dụng các đại từ chỉ định This, That, These, và Those. Hãy chăm chỉ luyện tập để sử dụng chúng một cách thành thạo nhé!